

ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM

TS. Nguyễn Ngọc Vinh¹

TÓM TẮT

Trải qua hai thập niên phát triển kinh tế nước ta đã đạt được những thành tựu đáng trân trọng từ nhóm nước nghèo đã vươn lên nhóm nước có thu nhập trung bình, từ nước có khoa học kỹ thuật lạc hậu đang nỗ lực phấn đấu trở thành nước công nghiệp vào năm 2020. Tuy nhiên song hành với thành quả đạt được đã bộc lộ nhiều bất cập như chất lượng tăng trưởng thấp, năng lực quản lý hạn chế và giáo dục có nguy cơ tụt hậu là những vấn đề trọng tâm có nguy cơ tác động đến động lực phát triển chung của nền kinh tế. Trong phạm vi bài viết tác giả phân tích các chỉ số vĩ mô về tăng trưởng GDP, chi phí lao động bình quân, chỉ số ICOR và nhập siêu nhằm minh họa về những hạn chế đã và đang tồn tại trong nền kinh tế Việt Nam, từ đó nêu ra các gợi ý chính sách tập trung vào các vấn đề trên góp phần thúc đẩy nhanh quá trình đổi mới và phát triển kinh tế nước nhà.

ABSTRACT

In the past two decades, Vietnam economy development has gained significant achievements including escaping from a poor country to become an average-income country and changing from an under-developed technological country to one that is trying to become an industrial country in 2020. However, besides the achievements, there are still several limitations like low quality of growth, limited management ability and the fact that education system of the country takes risk of being out-of-date, which are main issues impacting on the motivation of economy development. In this paper, the author analyzes macro index of GDP growth, average labor cost, ICOR index and import deficit to illustrate the constraints and existing of Vietnam economy, then recommends some policies focusing on the mentioned issues to promote the process of the innovation and economy development of Vietnam.

Đặt vấn đề

Kinh tế nước ta trong thời kỳ đổi mới và phát triển đã đạt được những thành tựu đáng kể, tốc độ tăng trưởng tổng thu nhập quốc nội (GDP) bình quân là 7,5% năm thuộc diện cao so với nhiều nước trong khu vực, hạ tầng cơ sở ngày càng được nâng cấp, mở rộng, các vấn đề về an sinh xã hội đã có những cải thiện đáng kể, từ nhóm nước nghèo nay chuyển sang nhóm nước có thu nhập trung bình, từ nước có khoa học kỹ thuật lạc hậu đang nỗ lực phấn đấu trở thành nước công nghiệp vào năm 2020. Thành tựu trên là minh chứng cho những nỗ lực phấn đấu không ngừng vì sự phát triển của các nhà quản lý, điều hành kinh tế Việt Nam trong suốt thời gian qua, đã có những quyết sách hợp lý.

Tuy nhiên song hành với những thành tựu đáng trân trọng đó đã phát sinh nhiều dấu hiệu bất ổn đe dọa sự phát triển của nền kinh tế, trong phạm vi bài viết sau đề cập đến 3 vấn đề mà theo quan điểm của tác giả là những thách thức lớn nhất đang đặt ra cho các nhà quản lý kinh tế Việt Nam: Chất lượng tăng trưởng thấp, công tác điều hành quản lý trở nên cồng kềnh và kém hiệu quả, nền giáo dục nước nhà có nguy cơ tụt hậu, việc giải quyết, khắc phục các vấn đề trên có ý nghĩa quan trọng cho việc duy trì sự phát triển nền kinh tế sớm đưa đất nước ta trở thành nước công nghiệp, hiện đại như mục tiêu và kỳ vọng của toàn dân tộc đã đặt ra.

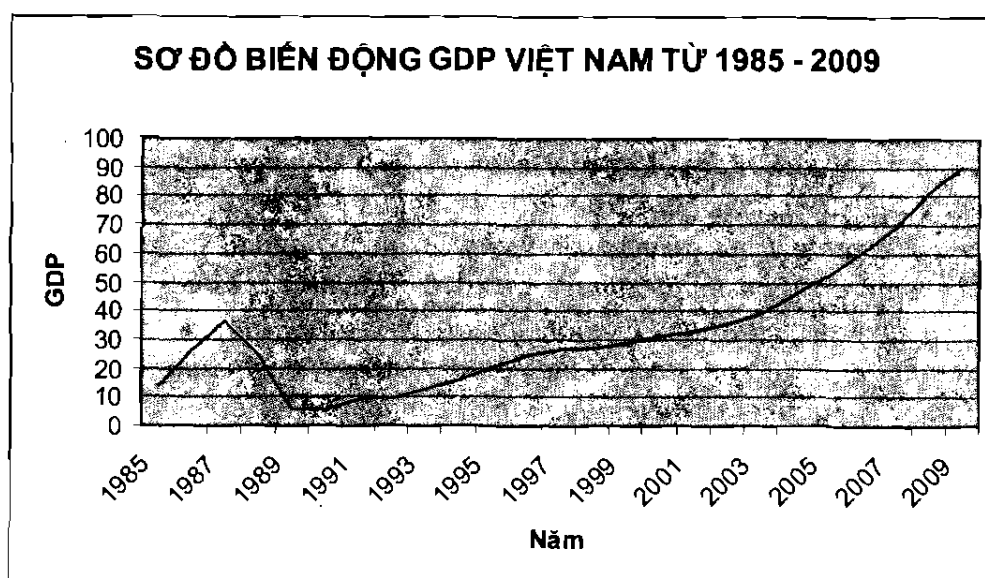
¹ Khoa Kinh tế phát triển, trường Đại học Kinh tế Tp.HCM.

1. Chất lượng tăng trưởng thấp

Việc duy trì tốc độ tăng trưởng GDP cao từ điểm xuất phát thấp là điều cần thiết cho mọi nền kinh tế nhằm tạo động lực trong giai đoạn đầu của sự phát triển, kinh tế Việt Nam không ngoại lệ (biểu đồ 1) nhưng sau 20 năm tăng trưởng lấy số lượng làm mục tiêu chủ đạo trong chiến lược phát triển kinh tế, thì việc điều chỉnh chiến lược lấy chất lượng tăng trưởng làm nền tảng cho sự phát triển cần thiết triển khai trên

toàn hệ thống, thực tế cho thấy điều này đang diễn ra rất chậm ở nước ta. Sự chậm trễ này đã làm cho nền kinh tế trở nên kém ổn định hơn, chỉ số lạm phát cao, đồng nội tệ mất giá mạnh, nhập siêu không giảm, nợ quốc gia tăng... theo tác giả nguyên nhân chính là do khai thác và sử dụng nguồn lực, tài nguyên kém hiệu quả, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế sụt giảm... hệ lụy là có nguy cơ giảm các chỉ tiêu phát triển kinh tế trong tương lai.

Biểu đồ 1. Biến động GDP Việt Nam từ 1985 – 2009



Nguồn: WB 2009.

Nội dung chính của chất lượng tăng trưởng thấp ở nước ta thể hiện qua các mặt:

- Càng tăng trưởng GDP tài nguyên thiên nhiên càng cạn kiệt – Trong danh sách các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của ta có nhóm hàng từ tài nguyên thiên nhiên như dầu thô, khí đốt, than đá, thiếc... đành rằng vì nhu cầu phát triển trước mắt và áp lực thâm hụt ngân sách, chúng ta đành phải xuất khẩu, nhưng việc đóng góp cho sự tăng trưởng kinh tế trong hơn hai thập niên mà vẫn dựa trên xuất khẩu thô các tài nguyên không tái tạo là điều đáng quan ngại, vì ai cũng biết rằng các hàng hóa trên càng khai thác thì càng cạn kiệt, và tài nguyên do thiên nhiên ban tặng không chỉ dành cho riêng thế hệ chúng ta.

- Khai thác nguồn nhân lực giá rẻ trong thời gian dài – đã tác động tiêu cực đến năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và phát sinh các vấn đề xã hội cần phải giải quyết như đình công hay tình trạng di cư... Chi phí lao động thấp là lợi thế cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam nhằm sản xuất hàng hóa giá rẻ, nhưng sau hai thập niên liên tục tăng trưởng việc duy trì chi phí lao động giá rẻ đã xuất hiện những bất cập vì với mức chi phí lao động thấp Việt Nam khó có thể chuyển sang mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất và chất lượng cao. Việc thay đổi mô hình tăng trưởng là điều tất yếu, nhằm nâng cao giá trị gia tăng cho các hàng hóa, dịch vụ của nước ta trong tương lai...

Mặt khác tổng quỹ thời gian và khả năng làm việc của con người có hạn, do đó việc khai thác nguồn lao động giá rẻ trong thời gian dài sẽ phát sinh nhiều vấn đề xã hội, bởi vì với mức thu nhập bình quân của người lao động phổ thông hiện nay #1tr.đ/tháng #49USD/tháng (bảng 1), thực tế người lao động rất khó để trang trải các khoảng chi ngày càng tăng do lạm phát cao, vì vậy đã phát sinh những vấn đề xã hội như đình công, thay đổi công việc và di cư...

- Thiếu ngành công nghiệp hỗ trợ - Trong danh mục các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nước ta trong nhiều năm có 2 dạng hàng hóa xuất khẩu phổ biến: một là

xuất nguyên liệu thô hay sơ chế như dầu thô, than, thiếc còn có gạo, cao su, cà phê, điều, thủy sản, hai là mặt hàng gia công, lắp ráp như đồ gỗ, dệt may... vì thiếu các ngành công nghiệp hỗ trợ nên càng tăng kim ngạch xuất khẩu càng giảm năng lực cạnh tranh quốc gia, càng tăng thâm hụt cán cân vãng lai, góp phần cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và hủy hoại môi trường sống.

Hàng năm, chúng ta nhập hàng tỷ USD đậu tương và bắp nhằm chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, trong khi các nông sản này hoàn toàn có thể tự sản xuất trong nước nếu chúng ta có chương trình và chiến lược phát triển.

Bảng 1. Mức chi phí lao động bình quân của một số nước

STT	Quốc gia	Chi phí lao động bình quân / tháng (USD)
1	Campuchia	47,36
2	Việt Nam	49
3	Indonesia	82
4	Trung Quốc	117
5	Thái Lan	156
6	Philippines	167
7	Malaysia	336
8	Hàn Quốc	830
9	Singapore	1146
10	Nhật	1810

Nguồn: www.eurochamvn.org - 2010.

2. Năng lực quản lý hạn chế

Trong công tác quản lý, điều hành nền kinh tế Việt Nam trong các năm qua đã bộc lộ nhiều hạn chế, điều đáng quan tâm ở đây tập trung vào các vấn đề chính:

- Chỉ số ICOR (incremental capital output rate) cao - Hiệu quả đầu tư quốc gia thể hiện qua chỉ số ICOR. Chỉ số này là tỷ lệ đầu tư vào toàn xã hội /GDP so với chỉ số tăng trưởng cùng kỳ. Nếu ICOR cao đồng nghĩa với hiệu quả đầu tư thấp, năng lực

cạnh tranh giảm, ICOR cao và kéo dài với mức tăng trưởng GDP thấp là tiền đề của lạm phát và suy thoái kinh tế, tuy nhiên để đánh giá chính xác hiệu quả đầu tư chỉ khi khảo sát chỉ số ICOR trong dài hạn hoặc trong chu kỳ phát triển của nền kinh tế.

Chỉ số ICOR nước ta trong các năm qua được đánh giá là cao so với các nước đang phát triển trong khu vực, thí dụ so với Hàn Quốc ở cùng cấp độ phát triển thì chỉ số này của họ là 3,0 và Thái Lan: 4,1 (bảng 2).

Bảng 2: Tăng trưởng GDP và chỉ số ICOR của một số quốc gia trong khu vực

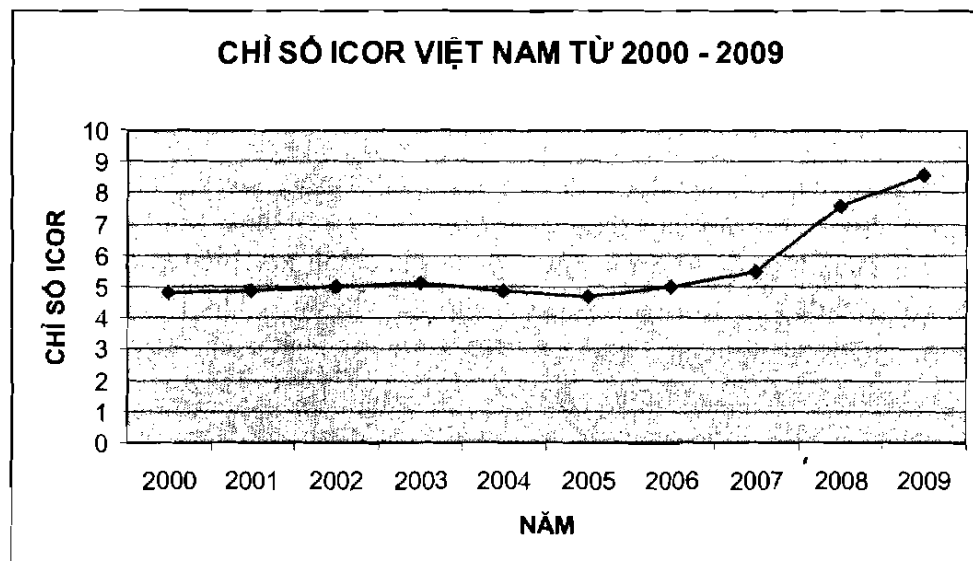
Quốc gia/ Lãnh thổ	Giai đoạn	GDP (%)	Đầu tư/GDP	ICOR
Hàn Quốc	1961-1980	7,9	23,3	3,0
Đài Loan	1961-1980	9,7	26,2	2,7
Indonesia	1981-1995	6,9	25,7	3,7
Thái Lan	1981-1995	8,1	33,3	4,1
Trung Quốc	2001 - 2006	9,7	38,8	4,0
Việt Nam	2001 - 2006	7,6	39,1	5,1

Nguồn : www.worldbank.org

Theo thống kê trong giai đoạn từ 1991 đến 2009 chỉ số ICOR của ta tăng liên tục từ 3,5 lên đến 8 (biểu đồ 2) có phải chăng đầu tư của ta không đúng mục đích hay không phát huy hiệu quả?

Nếu chỉ số ICOR tăng trong các năm qua vì nước ta đang trong giai đoạn tích cực đầu tư vào cơ sở hạ tầng và an sinh xã hội như đường sá, giao thông, mạng lưới điện, thủy lợi, bệnh viện, trường học... với những dự án lớn và chủ yếu là mảng đầu tư công, và đây là một chính sách đúng đắn. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng trong sự phát triển dài hạn bởi những quốc gia có tỷ lệ đầu tư trên GDP cao thường có được sự tăng

trưởng cao và bền vững hơn trong tương lai. Điều đáng quan tâm ở đây là khó có thể kiểm soát khoản thất thoát khi rót tiền đầu tư vào các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty khu vực nhà nước trong khi công tác phòng chống tham nhũng của ta chưa thật sự có hiệu quả, hơn thế nữa cơ chế quản lý vốn và tài sản cũng như tách bạch giữa nghĩa vụ và lợi nhuận trong các đơn vị thành viên của các tập đoàn, tổng công ty chưa được luật hóa, bài học của tập đoàn Vinasin đã minh chứng cho chúng ta các vấn đề quan ngại trên là có thực, do đó theo tác giả đây chính là điểm cần quan tâm hàng đầu trong đổi mới tư duy quản lý kinh tế Việt Nam.

Biểu đồ 2: Chỉ số ICOR Việt Nam từ năm 2000 - 2009

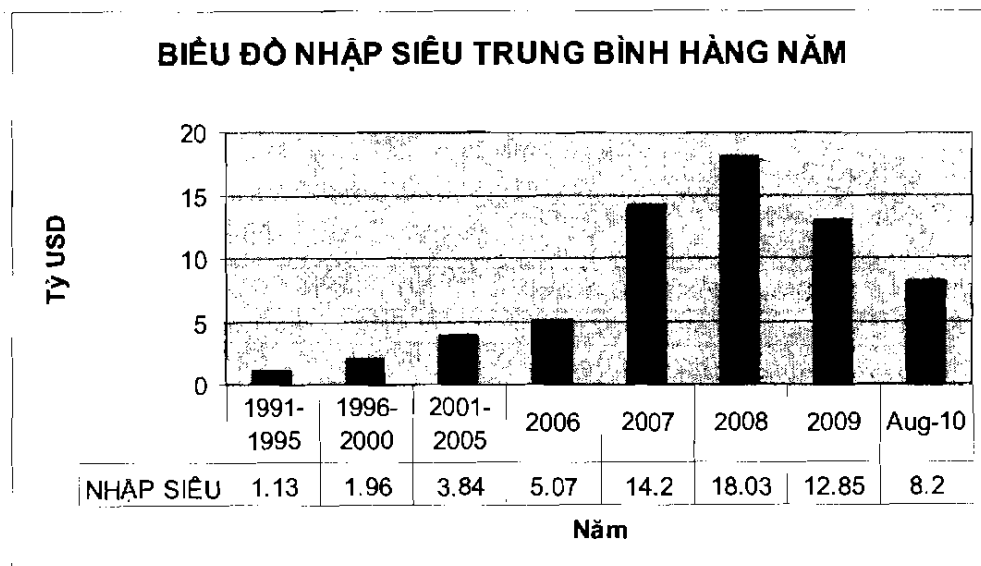
Nguồn: Nguồn Tổng cục thống kê 2009 - www.gso.gov.vn

- Bội chi ngân sách và thâm hụt cán cân vãng lai ở mức cao trong nhiều năm - Theo chỉ số thống kê bội chi ngân sách của nước ta chiếm # 7% GDP so với mức bình thường # 3%, thâm hụt cán cân vãng lai từ 2007 - 2009: 8 - 9% GDP, nếu tính tỷ lệ nhập siêu/xuất khẩu thì có hiện tượng tăng mạnh trên 20% từ 2007 - 10/2010 (biểu đồ 3) đây thực sự là chỉ số báo động vì bài học từ Thái Lan từ 1995 - 1997 thâm hụt cán cân vãng lai hàng

năm # 5% Thái Lan đã rơi vào cuộc khủng hoảng tiền tệ nghiêm trọng vào năm 1998.

Nguyên nhân từ đâu? giải pháp nào nhằm khắc phục? Chắc chắn rằng các nhà quản lý kinh tế sẽ phân tích rất kỹ lưỡng nhằm tìm ra các giải pháp hữu hiệu sớm khắc phục tình trạng trên. Tuy nhiên chúng ta đều biết rằng giữa các mối đe dọa trên có mối quan hệ mật thiết với đầu tư công, chi tiêu công và thất thoát trong quản lý...

Biểu đồ 3. Nhập siêu trung bình hàng năm



Nguồn: TS. Nguyễn Ngọc Bảo, Vụ chính sách tiền tệ - Ngân hàng nhà nước.

- Chính sách tiền tệ có nhiều thay đổi - từ chỗ linh hoạt trong chính sách điều hành tiền tệ các nhà quản lý đi từ việc kiềm chế lạm phát đến kích cầu, đồng nội tệ đã điều chỉnh giá thường xuyên, lãi suất cơ bản vọt lên # 14% năm trong quý 4 năm 2010 là những tín hiệu không tốt đối với hệ thống ngân hàng nói riêng và nền kinh tế nói chung. Việc nới lỏng và thắt chặt tiền tệ thường xuyên hoán đổi vị trí của nhau trong một năm kết hợp với dự trữ ngoại hối giảm đã làm cho niềm tin vào đồng nội tệ sụt giảm và lạm phát tăng cao.

3. Giáo dục có nguy cơ tụt hậu

Giáo dục là quốc sách, đầu tư của nhà nước cho giáo dục tăng lên hàng năm, số lượng các trường đại học và cao đẳng tăng lên rất nhanh trong thời gian qua (biểu đồ 4).

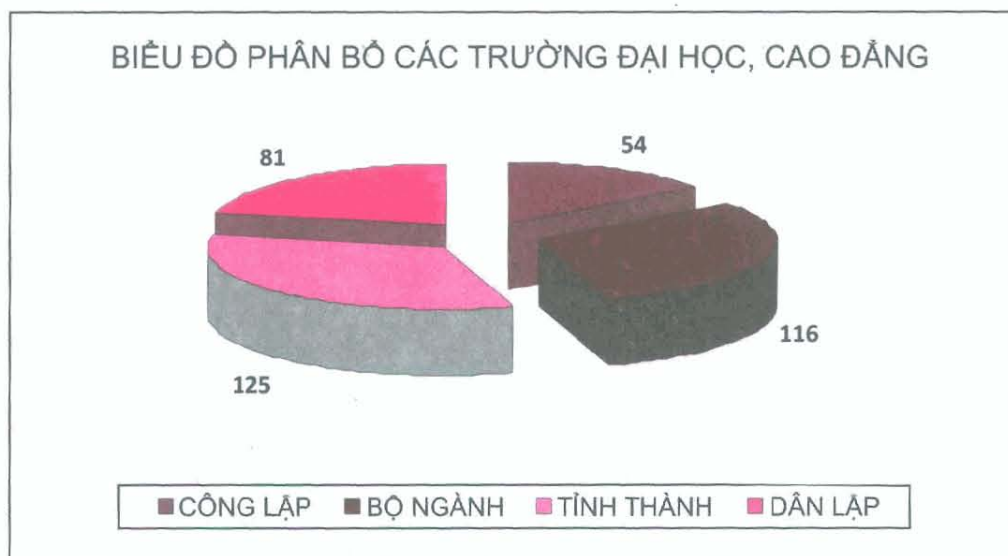
các chương trình kiên cố trường, lớp bước đầu phát huy hiệu quả, những cơ sở của các trường đại học quốc gia được đầu tư ngày càng khang trang hơn, hiện đại hơn tạo điều kiện cho sinh viên và giảng viên có điều kiện nghiên cứu học tập, giảng dạy ngày một tốt hơn.

Mặc dù có những cố gắng trong chính sách quản lý giáo dục bậc cao đẳng, đại học nhưng theo đánh giá chung chất lượng giáo dục bậc đại học ở nước ta còn thấp, chưa tạo được sự liên kết giữa lý thuyết và thực tiễn; giữa người học, người dạy và người sử dụng lao động, nhiều đề tài nghiên cứu có tính thực tiễn kém, cơ chế quản lý khoa học và đào tạo còn mang nặng tính hình thức... những bất cập trên không những trở thành rào cản cho sự phát triển khoa học công

nghệ Việt Nam trong tương lai, giảm thiểu năng lực sáng tạo của người học mà còn nguy cơ tụt hậu trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo so với các nước trong khu vực. Hệ lụy từ công tác quản lý giáo dục sẽ tác động

nhằm trọng đến sự phát triển kinh tế của nước nhà trước mắt và lâu dài vì chúng ta đều biết rằng yếu tố con người luôn là nền tảng của mọi sự phát triển.

Biểu đồ 4. Phân bố các trường đại học, cao đẳng tại Việt Nam



Nguồn: <http://vi.wikipedia.org>, 2010.

Gợi ý chính sách

GDP là thước đo tăng trưởng kinh tế do đó chỉ tiêu này là mục tiêu phấn đấu của chính phủ, nhưng tăng GDP không phải lúc nào cũng đạt được các kết quả như: tăng chất lượng cuộc sống, giảm đi sự chênh lệch giàu và nghèo, xóa được khoảng cách giữa nông thôn và thành thị và môi trường có thể bị hủy hoại, tài nguyên bị cạn kiệt và các nguồn lực có thể sử dụng không hiệu quả... Vậy tư duy mới nào cho đổi mới kinh tế ở nước ta nhằm khắc phục những hạn chế nêu trên sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp phát triển vào năm 2020? Trong phạm vi bài viết tác giả đề xuất những chính sách nhằm tập trung giải quyết những vấn đề có tính cấp bách sau:

Về cải thiện chất lượng tăng trưởng

- Tích cực triển khai các chương trình làm tăng giá trị gia tăng cho hàng hóa Việt Nam bằng việc cụ thể quá và kiểm soát chặt chẽ các lộ trình nội địa hóa các sản phẩm liên doanh, thúc đẩy hơn nữa quá trình nghiên

cứu chuyển giao khoa học công nghệ cho sản xuất, chuyển mô hình tăng trưởng dựa trên tăng vốn sang mô hình dựa trên giá trị gia tăng thông qua việc nâng cao chất lượng sản phẩm, tỷ lệ nội địa hóa trong hàng hóa dịch vụ. Sớm có chính sách cụ thể nhằm khuyến khích đầu tư công nghiệp chế biến và công nghiệp hỗ trợ, hạn chế tối đa việc xuất thô và gia tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế.

- Tăng cường khả năng khai thác tối đa nội lực như thị trường nội địa, nguồn nhân lực, lợi thế sản xuất, vị trí địa lý... xây dựng các tập đoàn kinh tế thuần Việt nhằm làm đầu tàu dẫn dắt các ngành kinh tế mũi nhọn. Đây là hướng đi đúng đắn và có ý nghĩa chiến lược của nước ta cho sự phát triển trong tương lai, bài học của các quốc gia đông bắc Á như Nam Hàn, Nhật Bản đã cho ta cách nhìn về vấn đề nêu trên: các tập đoàn Hyundai, Samsung, Sony, Toyota... đã đóng góp đáng kể cho sự thành công của toàn nền kinh tế Hàn Quốc và Nhật Bản.

Về hoàn thiện năng lực quản lý kinh tế

- Sớm luật hóa các quy chế quản lý tài sản nhà nước, quản lý chặt chẽ đầu tư công nhằm hạn chế tối đa thất thoát tài sản và đầu tư kém hiệu quả, minh bạch hóa nghĩa vụ và lợi nhuận trong các tập đoàn, tổng công ty doanh nghiệp nhà nước, xóa bỏ triệt để các đặc quyền, đặc lợi và cơ chế xin cho.

- Tích cực nghiên cứu và triển khai các công tác phòng chống tham nhũng hiệu quả hơn, đây là công việc khó khăn nhưng việc chống tham nhũng có ý nghĩa rất quan trọng cho sự củng cố niềm tin của nhân dân vào sự quản lý của nhà nước, giảm thiểu tối đa thất thoát tài sản công và thúc đẩy đầu tư, sản xuất phát triển. Chúng ta đều biết tham nhũng chỉ diễn ra ở các cơ quan công quyền và người tham nhũng phải là người có chức, có quyền mới có thể gây ra tham nhũng. Do đó cơ quan phòng chống tham nhũng phải có tính độc lập và quyền hạn nhất định nhằm thực thi luật một cách hiệu quả và trung thực.

- Quản lý tài khóa và chính sách tiền tệ, tỷ giá hối đoái cần có sự nhất quán và hạn chế tối đa các điều chỉnh thường xuyên làm cho niềm tin vào nội tệ bị tác động nghiêm trọng và điều này sẽ gây bất lợi lớn cho toàn hệ thống của nền kinh tế.

Từ việc kiểm soát chi tiêu công, minh bạch hóa trong việc đầu tư vào các tập đoàn kinh tế, kết hợp với tăng cường công tác phòng chống tham nhũng chắc chắn chỉ số ICOR của Việt Nam sẽ được cải thiện theo xu hướng tích cực hơn, nợ quốc gia sẽ giảm, bội chi ngân sách sẽ được giải quyết, nền kinh tế nước ta chắc rằng sẽ phát triển bền vững hơn.

Về cải cách giáo dục và đào tạo

- Tích cực đầu tư và kiểm soát chặt chẽ các kết quả, thành tựu trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo của các trường đại học, viện nghiên cứu nhằm nắm bắt những khoa học công nghệ mới và chuyển giao công nghệ cũng như đào tạo nguồn nhân lực một

cách hiệu quả, có tính thực tiễn cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế hiện tại và trong tương lai.

- Cải thiện chế độ cũng như chính sách khuyến khích hợp lý đối với đội ngũ nghiên cứu, giảng dạy nhằm tạo điều kiện cho các nhà khoa học chân chính có thể tận tâm cống hiến trí lực cho sự phát triển kinh tế nước nhà.

- Xây dựng chiến lược dài hạn có tính thực tiễn trong công tác giáo dục và đào tạo, theo hướng nắm bắt, đuổi kịp và vươn lên những công nghệ đỉnh cao phù hợp với chiến lược phát triển chung của toàn nền kinh tế.

Lời kết

Kinh tế Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trong hai thập niên qua, tuy nhiên đã phát sinh những dấu hiệu không tích cực đe dọa sự phát triển trong tương lai, đổi mới trong quản lý kinh tế Việt Nam từ nay đến 2020 tầm nhìn đến 2050 theo quan điểm của tác giả cần tập trung vào 3 vấn đề trọng tâm: cải thiện chất lượng tăng trưởng, nâng cao năng lực quản lý kinh tế và hoàn thiện công tác giáo dục – đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế. Những gợi ý chính sách tập trung vào việc tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên, phát triển công nghiệp hỗ trợ, kiểm soát chi tiêu công, lãng phí và đặc biệt là củng cố công tác phòng chống tham nhũng một cách hiệu quả hơn và cụ thể hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kỳ yếu hội thảo: Phục hồi, thúc đẩy tăng trưởng và kiểm soát lạm phát sau suy giảm kinh tế tại Việt Nam, ĐH Kinh tế TP. HCM, NXB Thời đại, 2/2010.
2. Kỳ yếu hội thảo: Thúc đẩy xuất khẩu, kiểm soát và hạn chế nhập siêu, ĐH Kinh tế TP. HCM, NXB Đà Nẵng, 2010.
3. TS. Nguyễn Ngọc Vinh, Tái cấu trúc nền kinh tế Việt Nam để duy trì sự tăng trưởng, NXB Thanh niên 7/2010.

4. Các trang web tham khảo

- Bách khoa toàn thư mở:
<http://vi.wikipedia.org>
- Ngân hàng nhà nước Việt Nam:
www.sbv.gov.vn
- Ngân hàng thế giới:
www.worldbank.org
- Tổng cục thống kê:
www.gso.gov.vn
- Phòng thương mại liên minh Châu Âu tại Việt Nam:
www.eurochamvn.org